

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/DS-ST**

Ngày: 17-8-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng

góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Khánh Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ A, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 (có mặt);

HKTT: ấp TH, xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Anh Huỳnh Công Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong các đơn khởi kiện ngày 15/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A trình bày và yêu cầu như sau:*

Vợ anh là chị Nguyễn Thị Huệ A có tổ chức góp hội, chị Nguyễn Thị Chúc L vợ của anh Huỳnh Công Đ tham gia góp 02 dây hội như sau:

Dây thứ nhất- Ngày 20/10/2017 âl, mở dây hội loại 2.000.000 đồng, gồm có 34 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, chị Nguyễn Thị Chúc L tham gia góp 01 phần, góp hội sống 17 lần lĩnh, góp hội chết đến 20 lần thì không góp nữa (ngày không góp là 7/2019), còn nợ lại 14 lần với số tiền 27.000.000 đồng, hội mãn ngày 20/6/2020 âl và đưa trước 1.000.000 đồng hội chết. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 11 lần với số tiền 21.000.000 đồng.

Dây thứ hai- Ngày 30/8/2018 âl, mở dây hội loại 2.000.000 đồng, gồm có 32 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, chị Nguyễn Thị Chúc L tham gia góp 01 phần, lĩnh hội lần thứ 02 góp hội chết được 09 lần thì không góp nữa (ngày không góp là 30/7/2019), còn nợ lại 21 lần hội chết với số tiền 42.000.000 đồng, hội mãn ngày 30/3/2021 âl. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 11 lần, với số tiền 22.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị Ly có làm chủ hội, chị Nguyễn Thị Huệ A có tham gia góp hội, khi lĩnh hội chị L giao chưa đủ còn nợ 3.800.000 đồng.

Tổng các khoản tiền nói trên chị Nguyễn Thị Chúc L vợ của anh Huỳnh Công Đ nợ tiền hội chị Huệ A đến ngày mãn hội là 72.800.000 đồng, tính đến ngày 27/4/2020 âl, chị Nguyễn Thị Chúc L vợ của anh Huỳnh Công Đ còn nợ tiền hội của chị Huệ A là 43.000.000 đồng. Nay anh đại diện cho chị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hội đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng, còn lại số tiền 29.800.000 đồng chưa mở hội anh rút lại yêu cầu, sau này có tranh chấp yêu cầu giải quyết sau, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà không có bà con thân thích gì với ông Phan Văn X và bà Trương Thị T là người ở cùng xóm, còn anh Huỳnh Công Đ và chị Nguyễn Thị Chúc L là ai bà không biết.

** Bị đơn anh Huỳnh Công Đ và chị Nguyễn Thị Chúc L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ và chị L biết để anh Đ và chị L có ý kiến về việc chị Huệ A yêu cầu anh Đ và chị L trả số tiền hui còn nợ nhưng anh Đ và chị L không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Huệ A và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 21/01/2020, Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Quốc D Giấy ủy quyền ngày 31/01/2020 của Nguyễn Thị Huệ A và Nguyễn Quốc D, Giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 của Nguyễn Thị Huệ A và Nguyễn Quốc D, 02 Danh sách tham gia góp hui ngày 20/10/2017 và ngày 30/8/2018, 02 Tờ giao kèo người làm tờ giao kèo Nguyễn Thị Chúc L, 02 Đơn xin xác nhận ngày 04/5/2020, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị T ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ trả cho chị Huệ A số tiền hui đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng, còn lại số tiền 29.800.000 đồng đến nay chưa mở hui anh chị rút lại yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ trả cho chị Huệ A số tiền hui đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ trả tiền hui còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ biết và ấn định thời gian để anh Đ và chị L có ý kiến về việc chị Huệ A khởi kiện đối với anh Đ và chị L trả tiền hui nhưng anh Đ và chị L không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ và chị L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ và chị L nhưng anh Đ và chị L vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt anh Đ và chị L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Nguyễn Thị Huệ A và chị Nguyễn Thị Chúc L, anh Huỳnh Công Đ xác lập hợp đồng bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, khi đó chị Huệ A có lập danh sách những người tham gia góp hụi, khi lĩnh hụi lập tờ giao kèo theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biên, phường.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ trả số tiền hụi nợ đến ngày mãn hụi là 72.800.000 đồng, đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng; chị L và anh Đ không ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của chị Huệ A cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể danh sách góp hụi, các tờ giao kèo hụi (Tờ bức lút số 05 đến số 16) xác định được, chị L và anh Đ có tham gia góp hụi do chị Huệ A làm chủ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối mà bên đương sự kia đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị L và anh Đ nợ tiền hụi chị Huệ A đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Huệ A và anh D người đại diện của chị Huệ A, buộc chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hụi nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biên, phường.

Đối với số tiền hụi từ tháng 5/2020 âm lịch đến khi mãn hụi số tiền là 29.800.000 đồng, chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ phải trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hạn nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hạn 29.800.000 đồng từ tháng 5/2020 âm lịch đến khi mãn hạn.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Chúc L và anh Huỳnh Công Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.150.000 đồng (43.000.000 đồng x 5%).

Chị Nguyễn Thị Huệ A không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.820.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008463 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo